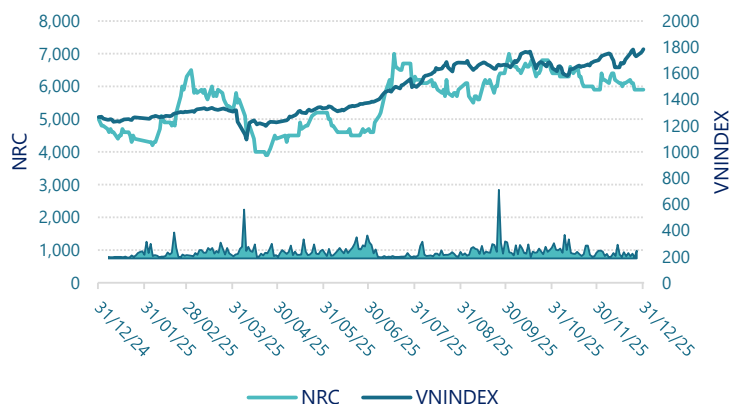


CTCP Tập đoàn NRC (HNX: NRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
SL cổ phiếu LH	92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	561,520
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	546
P/E	15.4
EPS	383

DT thuần

Q4/25

22.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼91.6| -80.3%

YoY: ▲ 21.1| 1612%

LN sau thuế

Q4/25

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.3| -56.2%

YoY: ▲ 57.2| 122%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

56.5%

+/- YoY: ▲ 1688%

DT thuần

2025

147

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 142| 2760%

LN sau thuế

2025

35.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 173| 126%

ROE

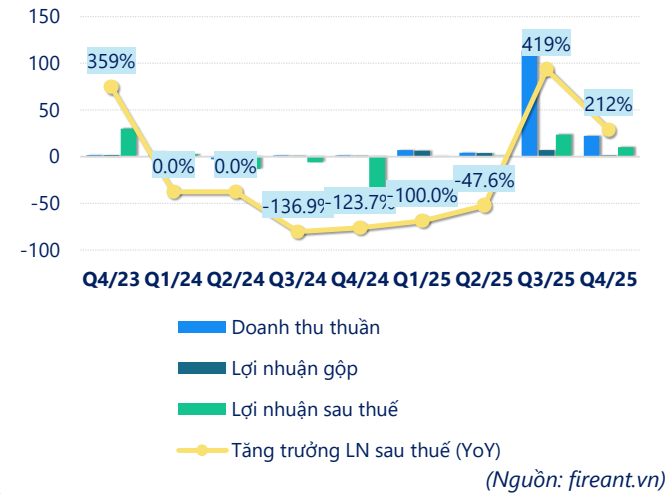
2025

3.0%

+/- YoY: ▲ 14.2%

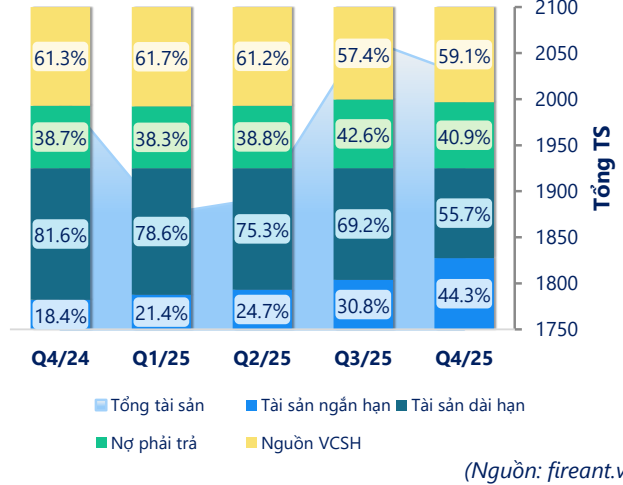
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

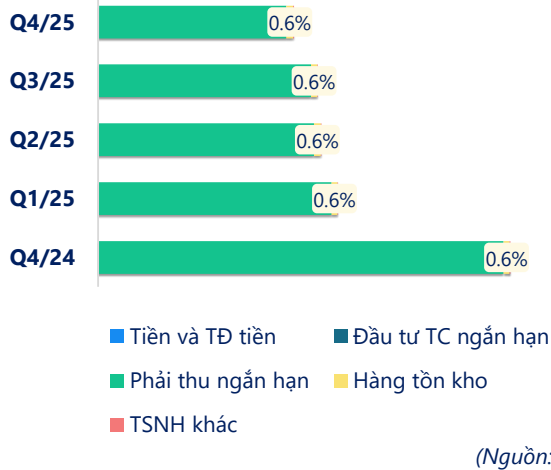


Cơ cấu Tổng tài sản

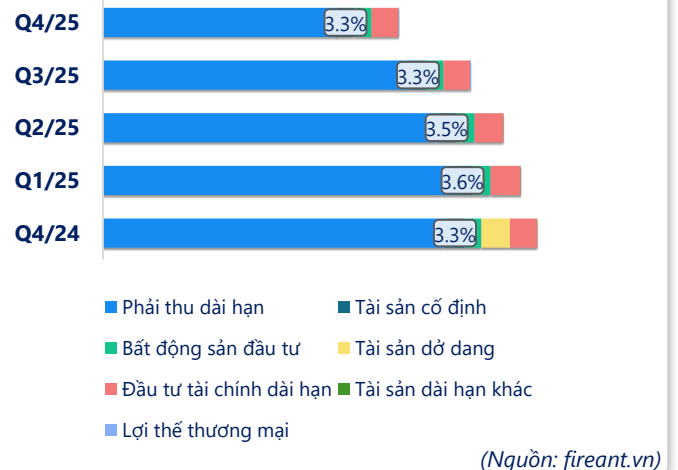
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

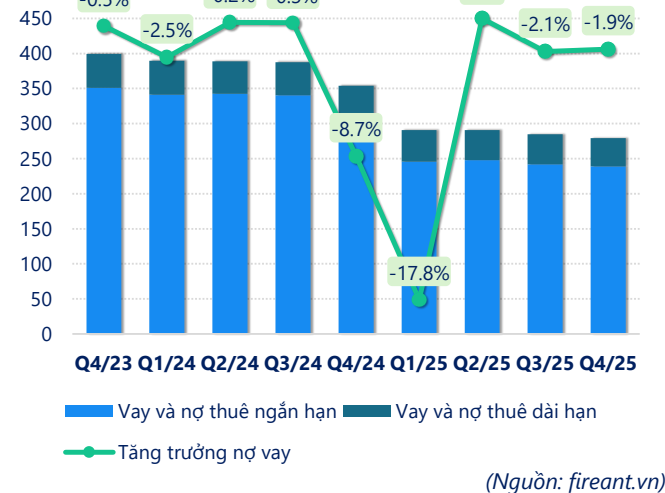


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



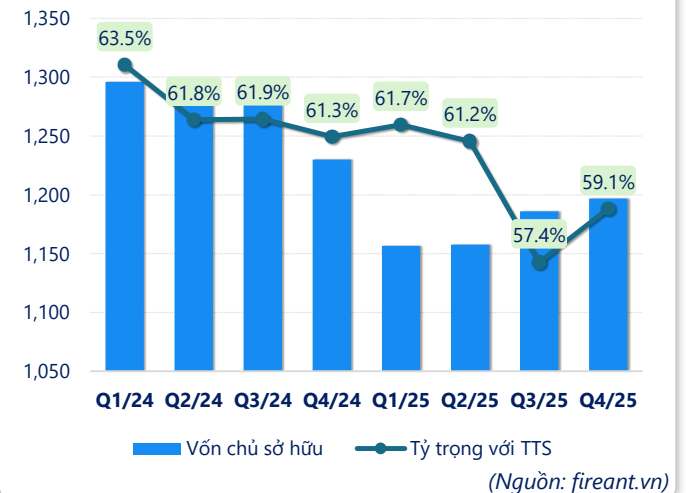
tỷ VNĐ

Nợ vay

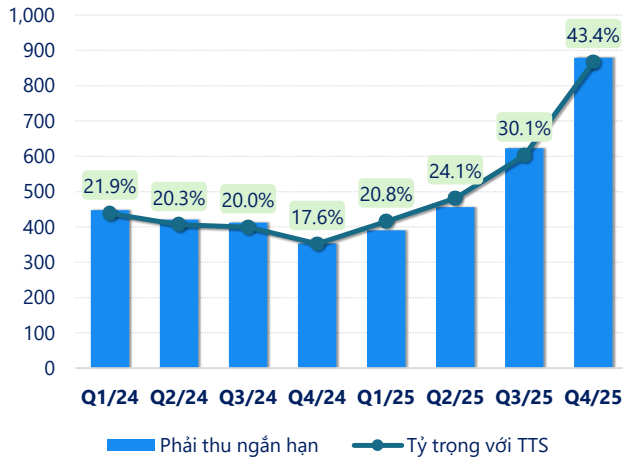


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

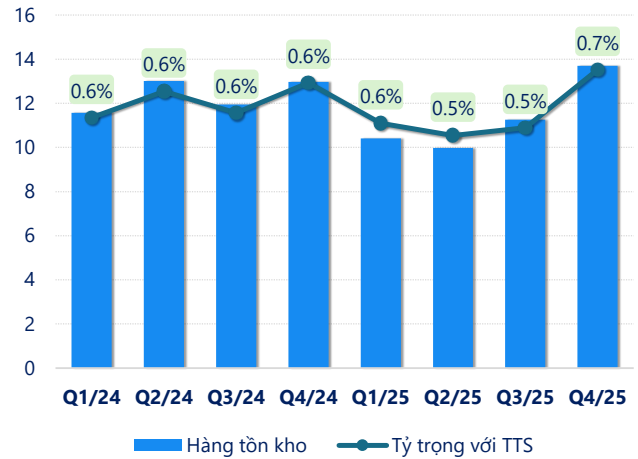


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


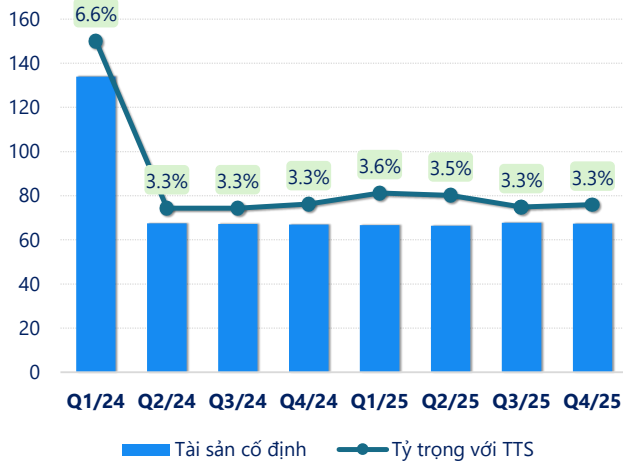
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


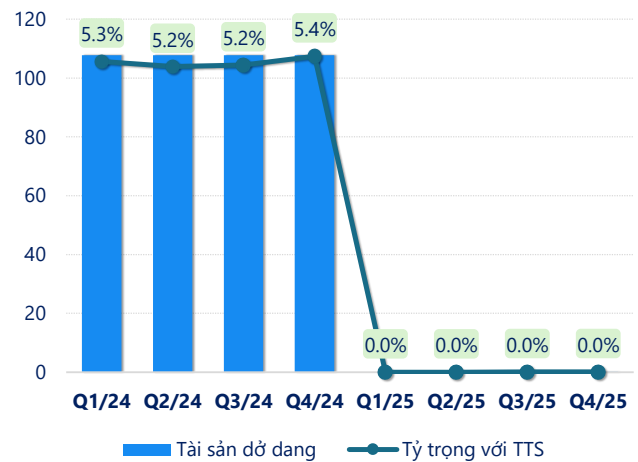
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

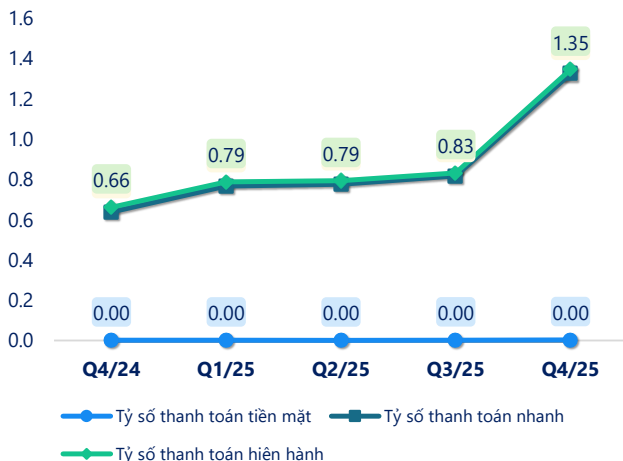
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

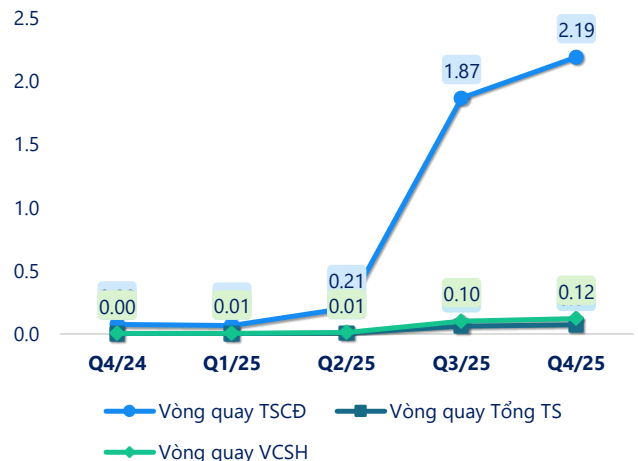
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,006	1,875	1,892	2,066	2,026
Tài sản ngắn hạn	368	402	467	637	897
Tiền và tương đương tiền	0.47	0.46	0.39	1.05	1.87
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	353	390	455	623	879
Hàng tồn kho	13.0	10.4	9.97	11.3	13.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.54	1.54	1.60	1.80	2.79
Tài sản dài hạn	1,638	1,473	1,425	1,430	1,129
Phải thu dài hạn	1,295	1,235	1,190	1,190	891
Tài sản cố định	66.9	66.6	66.4	67.7	67.4
Bất động sản đầu tư	65.9	65.9	65.8	65.8	65.7
Tài sản dở dang	108	0	0	0.12	0.12
Đầu tư tài chính dài hạn	103	106	103	103	103
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.03	0.03	0.07	0.08
Lợi thế thương mại	0	0	0	2.65	2.65
Nợ phải trả	776	718	735	880	829
Nợ ngắn hạn	557	510	589	765	666
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	246	248	242	239
Phải trả người bán ngắn hạn	4.08	4.06	4.51	167	101
Nợ dài hạn	220	208	146	116	163
Vay và nợ thuê dài hạn	46.1	45.1	42.8	42.8	40.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,230	1,157	1,158	1,186	1,197
Vốn chủ sở hữu	1,230	1,157	1,158	1,186	1,197
Vốn điều lệ	926	926	926	926	926
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)